

Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và nhân dân trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, với tuyệt đại đa số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là sự kiện chính trị - pháp lý đặc biệt quan trọng, đánh dấu một bước tiến mới trong lịch sử lập hiến của nước ta. Với bộ cục 11 chương, 120 điều, giảm 1 chương và 27 điều so với Hiến pháp năm 1992, bản Hiến pháp có nhiều điểm mới cả về nội dung và kỹ thuật lập hiến, thể hiện sâu sắc và toàn diện sự đổi mới đồng bộ cả về kinh tế và chính trị; thể hiện rõ và đầy đủ hơn bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

Trong mối quan hệ với cử tri và Nhân dân, Hiến pháp không chỉ thể hiện rõ nội dung dân chủ, phương thức thực hiện dân chủ mà còn quy định rõ trách nhiệm của đại biểu dân cử[1] đối với cử tri và Nhân dân. Bài viết dưới đây sẽ tập trung làm rõ nội dung này.

1. Quy định của Hiến pháp năm 2013 về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân

Trách nhiệm của Đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân được Hiến pháp năm 2013 quy định cụ thể tại các điều 79, 80 và 82.

Tại Điều 79, Hiến pháp xác định rõ địa vị pháp lý và trách nhiệm của Đại biểu Quốc hội. Theo đó, “*1. Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước. 2. Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. 3. Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật*”[2].

Quy định trên của Hiến pháp đã xác định rõ mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội với cử tri và Nhân dân. Thể hiện ở hai khía cạnh:

Thứ nhất, đại biểu Quốc hội là người được Nhân dân ủy quyền[3], đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước. Vì vậy, Đại biểu Quốc hội và Quốc hội chính là chủ thể phải có trách nhiệm nói lên ý chí chung thống nhất của không chỉ của từng cá nhân, tập thể mà còn cả cộng đồng. Với nguyên lý đó, trách nhiệm của Đại biểu Quốc hội là phải phản ánh ý chí của đại đa số cử tri ở đơn vị bầu cử ra mình, sau đó là ý chí chung của Nhân dân cả nước.

Thứ hai, để thực hiện được trách nhiệm của người được ủy quyền, đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và

hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. Chính vì vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành và trên thực tế, các đại biểu Quốc hội đều phải thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp để tiếp thu ý kiến của cử tri và Nhân dân. Tại Nghị trường, đại biểu Quốc hội sử dụng quyền của mình để thể hiện chính kiến, nói lên ý chí, nguyện vọng của cử tri ở nơi bầu ra mình và của Nhân dân cả nước[4].

Cụ thể hóa quy định trên của Hiến pháp, khoản 2 Điều 27 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định: “*Đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri ở nơi ứng cử theo chương trình tiếp xúc cử tri của Đoàn đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri ở nơi cư trú, nơi làm việc; tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng, địa bàn mà đại biểu quan tâm. Trong quá trình tiếp xúc cử tri, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và Quốc hội; cử tri hoặc đại diện cử tri ở đơn vị bầu cử có thể góp ý kiến với đại biểu Quốc hội tại hội nghị cử tri do Đoàn đại biểu Quốc hội phối hợp với Ủy ban Mật trận Tổ quốc và chính quyền địa phương tổ chức trong trường hợp cần thiết*”.

Tại điều 80, Hiến pháp ghi nhận quyền chất vấn[5] của Đại biểu Quốc hội đối với các chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Trên thực tế, chất vấn là hoạt động giám sát trực tiếp đặc biệt quan trọng, thể hiện quyền lực của cơ quan dân cử và trách nhiệm của các đại biểu dân cử với cử tri của mình, đồng thời cũng xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan công quyền. Vì vậy, đây vừa là quyền, đồng thời là trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trước cử tri và Nhân dân.

Theo đó, Hiến pháp quy định: “*Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán Nhà nước. Người bị chất vấn phải trả lời trước Quốc hội tại kỳ họp hoặc phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội; trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho trả lời bằng văn bản. Đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Quốc hội yêu cầu trong thời hạn luật định*”. Thông qua hoạt động chất vấn, Đại biểu Quốc hội thể hiện trách nhiệm của người đại biểu trước cử tri và Nhân dân, nhiều vấn đề bức xúc của cử tri được đại biểu đưa ra để tìm giải pháp khắc phục.

Theo Điều 82 của Hiến pháp năm 2013, Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đại biểu, có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội.

Đây là quy định của Hiến pháp về *trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong mối quan hệ với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội*. Tuy nhiên, về nguyên tắc, Đại biểu Quốc hội muốn phát huy tốt vai trò của mình thì phải tham gia vào hoạt động thực tiễn của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban, tùy theo điều kiện và khả năng của mỗi người. Bởi đây chính là nơi “Quốc hội làm việc”, thực hiện các chức năng chính của mình. Vì vậy, Đại biểu Quốc hội phải có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, các phiên họp của Quốc

hội và phải có quyền cung như trách nhiệm tham gia hoạt động của các Ủy ban và Hội đồng dân tộc với tư cách là thành viên. Đó cũng là cách thức thể hiện trách nhiệm đại biểu trước cử tri và nhân dân của Đại biểu Quốc hội.

Thể chế hóa quy định trên của Hiến pháp, Điều 26 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định rõ Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội. Cụ thể là:

- Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp toàn thể của Quốc hội; tham gia các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội.

- Đại biểu Quốc hội là thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham dự các phiên họp, tham gia các hoạt động khác của Hội đồng, Ủy ban; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng dân tộc, Ủy ban mà mình là thành viên.

- Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập.

Bên cạnh cách thức ghi nhận trực tiếp, các quy định của Hiến pháp năm 2013 về trách nhiệm của Đại biểu Quốc hội đối với cử tri và nhân dân tiếp tục được cụ thể hóa trong các luật như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2010, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội năm 2002, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003... Theo đó, một số trách nhiệm của Đại biểu Quốc hội trước cử tri và Nhân dân được cụ thể hóa như sau:

Một là, trách nhiệm dành thời gian hoạt động đại biểu. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách dành toàn bộ thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu tại cơ quan của Quốc hội hoặc tại Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương. Đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Quốc hội làm việc có trách nhiệm sắp xếp thời gian, công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

Hai là, trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân. Theo đó, Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Quốc hội về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đúng pháp luật, đại biểu Quốc hội có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu

quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Quốc hội yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

Như vậy, trên cơ sở kế thừa những nội dung hợp lý của các bản Hiến pháp trước đây, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 đã ghi nhận đầy đủ trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trước cử tri và Nhân dân. Trước hết đó là trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ đại biểu đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, phản ánh ý kiến của cử tri và Nhân dân trước Nghị trường; đó là trách nhiệm trực tiếp trong việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; đó là trách nhiệm thay mặt Nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, chất vấn các chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; đó là trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ của người đại biểu Quốc hội.

2. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân được Hiến pháp năm 2013 quy định.

Hội đồng nhân dân (HĐND) là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân địa phương, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Theo đó, có thể hiểu trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân với cử tri và Nhân dân được thể hiện ở hai nội dung lớn:

Một là, trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân với cử tri và Nhân dân được thể hiện qua trách nhiệm chung của Hội đồng nhân dân. Ở khía cạnh này, Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Như vậy, ở vai trò thực hiện công vụ địa phương, HĐND sẽ quyết định chính sách địa phương về việc thực hiện công vụ địa phương, đồng thời giám sát việc thực hiện các chính sách này. Trong khi đó, đối với các công vụ của Trung ương giao cho chính quyền địa phương thực hiện thì HĐND có trách nhiệm giám sát việc triển khai công việc này.

Hai là, trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân với cử tri và Nhân dân được thể hiện qua trách nhiệm của từng đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 115 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ địa vị pháp lý của Đại biểu HĐND: “*Đại biểu HĐND là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương*”. Theo đó, đại biểu HĐND có trách nhiệm sau:

- *Đối với cử tri*

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân và cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương.

+ Mỗi năm một lần vào cuối năm, kết hợp với việc tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu ra mình về hoạt động trong năm, nhiệm vụ năm tới của mình và của Hội đồng nhân dân.

+ Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, vận động và cùng với nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

- *Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân*

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ chấp hành nội quy kỳ họp, tham dự đầy đủ kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân, cuộc thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, cuộc họp Ban của Hội đồng nhân dân mà đại biểu là thành viên, tham gia các hoạt động khác của Hội đồng nhân dân.

+ Khi nhận được thông báo về thời gian, dự kiến chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng nhân dân.

+ Trong kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có những nhiệm vụ sau đây: Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp; Thảo luận tại phiên họp toàn thể và thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp; Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

- *Trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân*

+ Trong thời gian giữa hai kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ tiếp xúc cử tri ở đơn vị bầu cử của mình, phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân với Hội đồng nhân dân và các cơ quan Nhà nước, báo cáo kết quả kỳ họp với cử tri, tuyên truyền thực hiện tốt pháp luật.

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; giải thích, tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyên đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Khi nhận được ý kiến, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xem xét, nghiên cứu để phản ánh tới Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

+ Khi nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu và hướng dẫn công dân gửi khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xem xét giải quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân phải tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân

Cụ thể hóa hơn quy định của Hiến pháp về trách nhiệm tiếp công dân của đại biểu dân cử, ngày 15-5-2014, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH13 quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, HĐND và đại biểu HĐND các cấp.

Theo đó, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình tiếp công dân.

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện việc tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cùng cấp và tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử theo sự bố trí của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển sinh hoạt đến địa phương khác trong cùng đơn vị hành chính cấp đại biểu được bầu thì thực hiện việc tiếp công dân ở nơi chuyển đến.

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện việc tiếp công dân tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện việc tiếp công dân theo sự bố trí của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tiếp công dân theo sự bố trí của Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã.

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện việc tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố. Trường hợp không thể thực hiện được việc tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố do có lý do chính đáng thì đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thông báo đến Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã để điều chỉnh lịch; đồng thời dự kiến thời gian cụ thể thực hiện việc tiếp công dân.

Tóm lại, hiệu quả hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân không chỉ phụ thuộc vào cách thức tổ chức hoạt động chuyên nghiệp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân mà điều quan trọng hơn là phụ thuộc vào chính năng lực, trách nhiệm của các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước cử tri và Nhân dân. Do đó, trong thời gian tới, mỗi Đại biểu dân cử nói riêng và cơ quan dân cử nói chung cần phải tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ cơ bản được Nhân dân ủy quyền. Đó chính là việc làm thiết thực nhất thể hiện trách nhiệm của từng đại biểu, của cơ quan dân cử với sự tín nhiệm của cử tri và Nhân dân.

PGS.TS. ĐINH XUÂN THẢO[6]

[1] Cụ thể là đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

[2] Điều 79 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (năm 2013)

[3] Trên thế giới hiện nay có hai loại ủy quyền của cử tri đối với đại biểu dân cử, gồm: Ủy quyền ủy thác và ủy quyền chỉ mệnh. Đối với ủy quyền ủy thác, người đại biểu bầu ra hầu như không phụ thuộc vào ý chí của người dân, hành vi bỏ phiếu đã hoàn tất sự ủy thác và người đại biểu tự do thể hiện ý chí của mình. Đối với ủy quyền chỉ mệnh, người đại biểu hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của người dân, làm theo ý chí của người dân. Theo GS.TS Nguyễn Đăng Dung – *Nội dung các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013* (trích Bình luận khoa học *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013*)

[4] Thông qua việc phản ánh, chất vấn về những vấn đề bức xúc của từng địa phương và của xã hội, ví dụ như vấn đề liên quan đến giáo dục, y tế, sử dụng ngân sách nhà nước, vấn đề thuế....

[5] Chất vấn (interpellation), theo định nghĩa của từ điển Webster's 1913 Dictionary là yêu cầu quan chức giải thích hoạt động, hành động của mình; là những câu hỏi buộc phải trả lời; là vấn đề nêu lên trong khi tranh luận.

Ở nước ta, theo quy định của Điều 2, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003, chất vấn được hiểu là một hoạt động giám sát, trong đó đại biểu Quốc hội nêu những vấn đề thuộc trách nhiệm của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán Nhà nước và yêu cầu những người này trả lời.

[6] Đại biểu Quốc hội khóa XIII, Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội